

Bản án số: 216/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 29-12-2022

V/v Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỚI BÌNH, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Lan Anh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Phi Hùng

2. Ông Hồ Quốc Văn

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Chúc Ni là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

Trong ngày 29 tháng 12 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 402/2022/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 10 năm 2022 về việc tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 264/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 11 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Kiều S, sinh năm 2001 (xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp HN, xã BBĐ, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

2. *Bị đơn:* Ông Trần Duy M, sinh năm 1994 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp HN, xã BBĐ, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Trình bày của bà Nguyễn Kiều S tại đơn khởi kiện ngày 24/10/2022:*

Về hôn nhân: Bà Nguyễn Kiều S và ông Trần Duy M tự nguyện chung sống với nhau có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND xã BBĐ, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau vào ngày 02/3/2020. Vợ chồng chung sống hạnh phúc một thời gian thì phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, ông M có thái độ không quan tâm đến vợ con, vợ chồng thường xuyên cãi vã với nhau, xét thấy hôn nhân không thể kéo dài nên bà S yêu cầu được ly hôn với chồng là ông Trần Duy M.

Về con chung: Bà Nguyễn Kiều S và ông Trần Duy M có 01 người con chung tên Trần Duy D, sinh ngày 31/5/2020 (giới tính nam), hiện do bà S nuôi dạy. Khi ly

hôn, bà S yêu cầu được nuôi dạy con chung, không yêu cầu ông M cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà S xác định vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng và quan hệ pháp luật tranh chấp: Bà Nguyễn Kiều S khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông Trần Duy M. Đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc ly hôn; Ông Trần Duy M có nơi cư trú tại Ấp HN, xã BBĐ, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của bà S thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Ông Trần Duy M đã được triệu tập xét xử hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, bà Nguyễn Kiều S xin vắng mặt tại phiên tòa. Do đó, xét xử vắng mặt bà S, ông M theo quy định tại khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án:

[3] Hôn nhân: Bà Nguyễn Kiều S và ông Trần Duy M tự nguyện chung sống với nhau có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND xã BBĐ, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau vào ngày 02/3/2020. Quá trình chung sống không hạnh phúc do bất đồng quan điểm nên bà S yêu cầu được ly hôn với chồng là ông Trần Duy M. Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa bà S và ông M đã tuân thủ về điều kiện đăng ký kết hôn tại Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định tại Điều 8, 9 của Luật hôn nhân và gia đình nên được pháp luật công nhận là vợ chồng. Thời gian chung sống, bà S xác định bà và ông M không còn tình cảm, vợ chồng không thể tiếp tục chung sống với nhau, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu được ly hôn. Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án có tiến hành hòa giải để ông bà có điều kiện gặp nhau thỏa thuận đoàn tụ gia đình nhưng không có kết quả do ông M vắng mặt không có lý do, bà S không thể tiếp tục chung sống với ông M. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận cho bà S và ông M được ly hôn là phù hợp.

[4] Về con chung: Bà Nguyễn Kiều S và ông Trần Duy M có 01 người con chung tên Trần Duy D, sinh ngày 31/5/2020 (giới tính nam), hiện do bà S nuôi dạy. Khi ly hôn, bà S yêu cầu được nuôi dạy con chung, không yêu cầu ông M cấp dưỡng nuôi con. Xét yêu cầu của bà S, thấy rằng con chung là cháu D còn nhỏ, hiện do bà S đang nuôi dạy nên cần duy trì để tạo sự ổn định về sinh hoạt cũng như đảm bảo sự phát triển về tâm lý bình thường của cháu. Hơn nữa, quá trình giải quyết vụ án, ông M

không có ý kiến gì phản hồi đối với yêu cầu của bà S nên cần chấp nhận cho bà S tiếp tục nuôi dạy con chung. Bà S không yêu cầu ông M cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét là phù hợp. Ông M có quyền đến thăm con theo quy định của pháp luật, không ai được quyền cản trở.

[5] Tài sản chung: Bà S xác định vợ chồng không có tài sản chung nên không đặt ra yêu cầu xem xét, quá trình giải quyết vụ án ông M không có ý kiến gì về tài sản chung, do đó không xét là phù hợp.

[6] Về nợ chung: Bà S xác định vợ chồng không có nợ chung. Quá trình giải quyết vụ án không ai đặt ra yêu cầu xem xét về nợ chung của vợ chồng nên không xem xét.

[7] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà S phải chịu án phí theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56, 81, 82, 83 của luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Kiều S về việc ly hôn đối với ông Trần Duy M.

2.1. Về hôn nhân: Bà Nguyễn Kiều S và ông Trần Duy M được ly hôn.

2.2. Về con chung: Giao cháu Trần Duy D, sinh ngày 31/5/2020 (giới tính nam) cho bà S tiếp tục nuôi dạy, bà S không đặt ra yêu cầu ông M cấp dưỡng nuôi con, ông M được quyền đến thăm con theo quy định của pháp luật không ai được quyền cản trở.

2.3. Tài sản chung, nợ chung: Không có.

3. Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Kiều S phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*). Vào ngày 25 tháng 10 năm 2022, bà S có dự nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai số 0003088 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau nay được chuyển thu án phí.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân

sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Báo cho đương sự có mặt biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai bản án. Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo luật định.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Thới Bình;
- Chi cục THADS huyện Thới Bình;
- TAND tỉnh Cà Mau;
- UBND xã BBĐ;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lê Thị Lan Anh